

## HOÀNG ĐẾ MINH MỆNH VỚI LƯU TRỮ TRIỀU NGUYỄN\*

038137

PGS. VƯƠNG ĐÌNH QUYỀN - TS. ĐÀO ĐỨC THUẬN  
Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG HN

**M**inh Mệnh là vị hoàng đế thứ 2 trong số 13 hoàng đế của vương triều Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam (1802 – 1945), kế nghiệp vua cha Gia Long trị vì đất nước từ năm 1820 cho đến lúc tạ thế (1840). Ông có nhiều đóng góp quan trọng trong tổ chức và quản lý đất nước của triều Nguyễn, đặc biệt là về lĩnh vực quản lý hành chính, trong đó có công tác văn thư và công tác lưu trữ. Giới Lưu trữ học ngày nay xem Minh Mệnh là người khai sáng nền Lưu trữ triều Nguyễn nói riêng, Lưu trữ Việt Nam nói chung. Bài viết này sẽ trình bày khái quát những chủ trương và biện pháp có tính chất khai sáng của hoàng đế Minh Mệnh đối với Lưu trữ triều Nguyễn.

**1. Lưu trữ có hệ thống văn bản quản lý và sổ sách hình thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước**

Ngay từ thế kỷ X, các vương triều phong kiến Việt Nam (Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý) đã sử dụng văn bản (bằng chữ Hán) làm phương tiện thông tin phục vụ hoạt động quản lý. Hệ thống văn bản này gồm hai loại chính: Văn bản quản lý như luật, chiếu, chỉ, sắc, dụ, tấu, biểu... và các sổ sách hành chính như hộ tịch, địa bạ, sổ thuế... Tuy nhiên, chỉ các loại sổ sách được các vương triều giữ lại ở văn thư cơ quan để phục vụ cho việc thu tô thuế, quản lý ruộng đất, nhân lực..., còn các loại văn bản quản lý thì hầu như không được lưu giữ. Việc biên chép các bộ quốc sử như *Đại Việt sử ký*

của Lê Văn Hưu đời Trần, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên đời Lê cũng chủ yếu dựa vào các nguồn sử liệu như truyền thuyết, dã sử, sách sử Trung Hoa. Lê Quý Đôn (1738-1784), một học giả nổi tiếng thời Lê Trung Hưng khi biên soạn bộ *Đại Việt thông sử* đã không khỏi phàn nàn nuối tiếc vì thiếu nguồn sử liệu chân xác là tài liệu lưu trữ. Ông viết trong lời tựa của bộ sách này: "*Các bản chiếu, sách, sắc, lệnh, các bài ca, bài tụng, các tờ tấu, tờ biểu bàn bạc các điều lệ, điển chương của hai triều Lý, Trần trong thời gian hơn ba trăm năm kể sao xiết được thì nay đều thiếu tất cả ... Ngay cả những điển chương, điều lệ của triều ta [Lê] dưới thời Lê Trung Hưng về trước cũng đều không còn gì nữa...*"<sup>1</sup>. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tồn thất nói trên, như chiến tranh, bị quan cai trị Trung Hoa cướp mang về nước..., nhưng có một nguyên nhân không kém phần quan trọng là các chính quyền phong kiến đã không có chủ trương và biện pháp bảo tồn, như không đặt hẳn các cục riêng coi giữ về sách vở, giấy tờ, không dựng kho tàng, cất giữ quan lại chuyên trách về thu thập và bảo quản (nhận xét của Lê Quý Đôn).

Minh Mệnh là hoàng đế đầu tiên của triều Nguyễn nói riêng và Việt Nam nói chung đã nhận thức được giá trị nhiều mặt của văn bản, sổ sách hình thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp. Nhà vua cho rằng nguồn tài liệu này không chỉ là những bằng chứng tin cậy phục vụ hoạt động quản lý, mà còn là

nguồn sử liệu quan trọng để biên chép sử sách một cách chính xác (tín sử). Chẳng hạn, Minh Mệnh đã chỉ rõ mục đích, ý nghĩa của việc làm địa bạ: “*Ruộng đất lấy sổ làm hạn định để bày tỏ sự tín thực mà ngăn sự gian dối*”, và “*làm ra sổ địa bạ là để vạch rõ bờ cõi cho hết mối tranh giành*”<sup>2</sup>. Thực lục cũng chép rằng, nhà vua đã từng bảo các quan chức phụ trách ghi chép cẩn thận lời nói, việc làm của vua mỗi khi đi tuần du (khởi cư chú) là việc làm hay dở của ông vua, cất vào kho sách đến ngày mở sử quán làm sách lấy đó làm tín sử, có thể không cần thận chăng! Còn tài làm sử thì rất khó. Bọn người giữ việc ghi chép nên phải gia tâm”<sup>3</sup>. Với quan niệm như vậy, Minh Mệnh chủ trương lưu trữ có hệ thống văn bản, sổ sách hình thành ở bộ máy nhà nước từ triều đình cho đến các trấn (tỉnh) thành, phủ, huyện, xã, gồm các loại như chiếu, chỉ, dụ, sắc, lệ, tấu, sớ, biểu, hộ tịch, sổ duyệt tuyển, sổ thuế, sách lí lịch quan viên, tài liệu nghiệm thu công trình xây dựng...

## **2. Bắt đầu có sự phân biệt mức độ chính xác của văn bản quản lí, sổ sách hành chính và lưu trữ tài liệu có lựa chọn**

Mức độ chính xác mà chúng tôi đề cập ở bài viết này là chỉ sự phân biệt giữa bản chính và bản sao của văn bản quản lí và các loại sổ sách. Dưới thời các vương triều trước Nguyễn trong việc ban hành, ghi chép và lưu trữ văn bản quản lí và sổ sách chưa thấy xuất hiện các khái niệm này. Nhưng đến thời Nguyễn, rõ nét nhất là từ thời Minh Mệnh đã có sự phân biệt rõ ràng giữa bản chính và bản sao của văn bản, sổ sách. Nhiều loại văn bản, sổ sách đã được nhà vua quy định rõ nơi lưu trữ bản chính và các nơi giữ bản sao. Ví dụ, *Minh Mệnh quy định các bản tâu trình lên hoàng đế của các địa phương và bộ, nha ở trung ương đều phải làm thành 3 bản giáp (bản chính),*

*ất, bình (các bản sao), nhà vua sẽ phê duyệt lên bản chính rồi chuyển về Nội các. Nội các có nhiệm vụ sao chép lời vua phê từ bản chính lên hai bản sao và làm đầy đủ các thủ tục về sao lục. Bản chính sẽ được lưu trữ ở Nội các, hai bản sao còn lại thì 1 bản gửi về bộ, nha có liên quan để thi hành, còn 01 bản gửi Quốc sử quán để phục vụ việc nghiên cứu, biên chép sử sách. Hay như đối với địa bạ, năm 1826, nhà vua quy định phải lập thành 3 bản, bản giáp được phê chữ “lưu chiếu”, 02 bản ất và bình được phê chữ “giao về lưu chiếu” rồi đóng dấu bộ Hộ; bản giáp được lưu ở bộ Hộ, bản ất giao về trấn, còn bản bình gửi về xã để giữ.*<sup>4</sup>

Không chỉ đối với văn bản, sổ sách của Nhà nước, mà ngay đối với các loại tài liệu và thư tịch khác, Minh Mệnh cũng quan tâm đến độ chân xác của văn bản. Mỗi lần ban hành chiếu dụ kêu gọi thần dân sưu tầm và dâng nộp tài liệu, thư tịch quý hiếm, Minh Mệnh đều không quên nhấn mạnh phải dâng nộp nguyên bản (bản gốc). Thực lục chép rằng, năm Minh Mệnh thứ 17, “*Thị lang Nội các Trần Quỳnh thấy người Tổng Sơn quen biết là Nguyễn Cửu Thành trong nhà có cuốn thơ nhận là ngự bút của Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế [chúa Nguyễn Phúc Chu], đem dâng tiến thay, Vua sai bọc bì trân trọng cất giữ. Sau đem xem kỹ thì ngờ, bảo thị thần rằng: “Bút pháp của Hoàng Thế Tổ ta cứng rắn, người ta vẫn biết. Nét chữ cuốn thơ này hơi yếu, chắc là làm giả”, liền đốt đi*”<sup>5</sup>. Cũng theo Thực lục, năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), để khắc phục tình trạng tài liệu bẻ bộn, chồng chất ở các bộ, nha, nhà vua đã ra chỉ dụ giảm thiểu việc ban hành văn bản và loại bỏ bớt tài liệu hiện lưu trữ ở các cơ quan này. Minh Mệnh yêu cầu các bộ, nha phân loại, thống kê tài liệu hiện đang lưu giữ trình vua xem xét và chờ quyết định nên loại bỏ những tài liệu nào. Chỉ dụ nhấn mạnh,

việc loại bỏ tài liệu cần được tiến hành thận trọng, quan chức các bộ, nha “nên bàn bạc cho thoả đáng”, không được tùy tiện xử lí. Đối với những hồ sơ, tài liệu cần tra cứu, sử dụng lâu dài thì phải giữ lại.<sup>6</sup>

### **3. Thiết lập lưu trữ cơ quan và một số loại hình lưu trữ ở trung ương**

Nếu như các vương triều trước Nguyễn chưa đặt ra các tổ chức đề phụ trách việc lưu trữ và quản lí tài liệu, thì đến triều Nguyễn, Minh Mệnh là người khởi xướng thiết lập một số tổ chức chuyên trách thu thập, bảo quản tài liệu hình thành ở Nội các và các bộ, nha của triều đình, gồm các tổ chức lưu trữ dưới đây:

#### **3.1. Tào Biểu bạ - một dạng lưu trữ cơ quan được thiết lập ở Nội các**

Năm 1820, sau khi lên ngôi, Minh Mệnh đã đặt Văn thư phòng để thay thế các đơn vị giúp việc Thị thư viện, Thị hàn viện, Nội hàn viện và Thượng bảo ty thời vua Gia Long. Văn thư phòng có nhiệm vụ coi giữ ấn tín của vua; quản lí việc khắc đúc ấn tín; soạn thảo các văn bản do vua ban hành; ghi chép diễn biến các sự việc khi vua họp với triều thần và đi tuần du; lưu trữ văn bản của vua và Văn thư phòng. Đến năm 1829, Minh Mệnh lại cải tổ Văn thư phòng thành Nội các nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy giúp việc và tập trung quyền lực vào nhà vua. Nội các được chia làm bốn đơn vị tổ chức (4 tào, giống như cục, vụ, ban ngày nay), gồm Tào Thượng bảo, Tào Ký chú, Tào Đồ thư và Tào Biểu bạ.<sup>7</sup> Trong đó, Tào Biểu bạ là đơn vị chuyên trách về lưu trữ tài liệu hình thành ở Nội các với nhiệm vụ cụ thể như sau: hàng tháng tiếp nhận văn bản, giấy tờ do các đơn vị thuộc Nội các giao nộp, tiến hành phân loại, lập hồ sơ, trình quan phụ trách xét duyệt, đem cất vào kho, định kì phơi nắng tài liệu để phòng chống ẩm mốc. Theo quy định thời bấy giờ, hồ sơ sau khi lập xong, phải tóm tắt nội dung (viết tiêu đề) và trình

quan phụ trách phê duyệt trước khi cất vào kho. Biên chế của Tào Biểu bạ là 8 người. Có thể xem Tào Biểu bạ của Nội các thời Minh Mệnh như là lưu trữ cơ quan đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam thời phong kiến.

#### **3.2. Kho lưu trữ - thư viện Nội các**

Dưới thời Minh Mệnh, do khối lượng tài liệu, thư tịch hình thành trong hoạt động của nhà vua và Nội các ngày càng lớn, đa phần là tài liệu cơ mật, nên năm 1826, Minh Mệnh đã cho xây cất một tòa nhà trong Hoàng cung ở phía sau Tả vu để làm kho lưu trữ tài liệu, thư tịch, đặt tên là Đông các. Đông các gồm 2 tầng, tầng trên lưu trữ tài liệu, tầng dưới bảo tồn các thư tịch. Theo Pôn - Buđê viết trong cuốn *Lưu trữ của các hoàng đế An Nam và lịch sử An Nam* thì đến năm 1942, Đông các còn lưu giữ các loại tài liệu và thư tịch dưới đây:

- Hiệp ước kí kết với nhà Thanh của các hoàng đế.
- Công văn trao đổi với nước ngoài.
- Thơ văn của các hoàng đế.
- Tranh vẽ và bản đồ.
- Châu bản.
- Bài thi của các tiến sĩ trong thi Đình để phân loại tiến sĩ (diện thí quyền).
- Thư tịch Hán Nôm được sưu tầm dưới thời Minh Mệnh.

Ngoài Đông các, một bộ phận tài liệu lưu trữ của Nội các còn được lưu trữ ở điện Cần thành bên cạnh điện Cần chánh nơi vua làm việc.<sup>8</sup>

Vì Đông các và điện Cần thành không chỉ lưu trữ tài liệu mà còn bảo quản cả thư tịch, nên ngày nay các học giả đặt tên là Kho lưu trữ - thư viện Nội các.

#### **3.3. Kho lưu trữ - thư viện Quốc sử quán**

Quốc sử quán được thành lập năm Minh Mệnh thứ hai (1821), có chức năng nghiên cứu, biên soạn quốc sử, địa chí, sách chuyên

khảo về văn hoá, giáo dục. Nơi đây quy tụ nhiều vị đại thần và nhà khoa bảng có kiến thức uyên bác. Nhiều bộ sách lớn còn lưu truyền đến ngày nay như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Khâm định Việt sử không giám cương mục*, *Minh Mệnh chính yếu*... đã được biên soạn và ấn hành ở nơi đây. Nguồn tư liệu chính để biên soạn các bộ sách này là tài liệu lưu trữ và các thư tịch. Do đó, Quốc sử quán đã thiết lập tổ chức lưu trữ tài liệu và thư tịch, được các học giả ngày nay đặt tên là Kho lưu trữ - thư viện Quốc sử quán. Tài liệu, thư tịch, được bảo quản ở kho này chủ yếu gồm các loại sau:

- Chiếu, chỉ, sắc, dụ của các hoàng đế; tấu, sớ, biểu... của các bộ, nha, tỉnh, thành. Minh Mệnh chỉ thị: Tấu, sớ của các bộ, nha, trấn (tỉnh), thành sau khi được vua phê duyệt thì chuyển giao Nội các để sao chép lời vua phê vào hai bản sao, làm các thủ tục sao lục theo quy định. Sau đó, Nội các gửi một bản sao cho Quốc sử quán để làm sử liệu phục vụ việc nghiên cứu và biên chép sử sách (dưới thời Tự Đức còn chuyển cả bản chính cho cơ quan này).

- Mộc bản. Mộc bản là tấm gỗ được khắc chữ ngược để in sách, thường là gỗ thị hoặc gỗ cây nha đồng. Theo quy định, sau khi bản thảo biên soạn xong phải qua các khâu kiểm tra, chỉnh sửa, chép lại rõ ràng (tĩnh tả) rồi trình vua ngự lãm. Sau khi được nhà vua phê duyệt thì trả bản thảo về Quốc sử quán, giao cho thợ khắc lên các tấm gỗ để in ra nhiều bản. Mộc bản của các cuốn sách được lưu trữ để sử dụng khi sách cần in lại. Trong hơn một trăm năm tồn tại, Quốc sử quán triều Nguyễn đã biên soạn nhiều bộ sách đồ sộ và có giá trị. Do đó, khối lượng Mộc bản ngày càng gia tăng, lên tới hàng chục nghìn tấm. Năm 1849, vua Tự Đức đã cho xây cất một nhà kho để tàng trữ được gọi là Tàng bản đường (nhà lưu trữ mộc bản). Trải qua nhiều biến động của lịch sử, đến nay còn lưu giữ được trên 34,000 tấm

của 152 đầu sách, hiện đang được bảo quản ở Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Mộc bản triều Nguyễn thuộc loại tài liệu lưu trữ độc đáo và quý hiếm của Việt Nam, năm 2009 được UNESCO vinh danh là Di sản Tư liệu thế giới.

Thư tịch Hán Nôm. Ngoài tài liệu lưu trữ, thư tịch Hán Nôm cũng là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng trong nghiên cứu và biên chép sử sách của Quốc sử quán, bao gồm các bộ sử Việt Nam biên soạn từ thời trước Nguyễn và dưới triều Nguyễn, sách sử của Trung Hoa, các thư tịch khác do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn và thần dân đương thời dâng nộp theo chỉ dụ của các hoàng đế.

Phụ trách Kho lưu trữ - thư viện Quốc sử quán là một chức quan gọi là Thư chương.

### 3.4. Xây dựng Tàng thư lâu - một dạng kho lưu trữ nhà nước

Tàng thư lâu được xây cất năm 1825 ở phường Doanh Phương trong kinh thành Huế theo chủ trương của Minh Mệnh. Tòa lâu gồm hai tầng, được xây bằng gạch và đá; tầng trên 7 gian 2 chái, tầng dưới 11 gian; bốn phía xung quanh đều xây lan can; mái lợp bằng ngói đất nung. Sau khi xây xong đã đào đất xung quanh tạo thành hồ nước và được đặt tên là hồ Học Hải, khiến Tàng thư lâu tọa lạc trên một hòn đảo giữa hồ, nối với bờ hồ bởi một cây cầu bằng đá ở phía Tây. Tấm bia chữ Hán "Tàng thư lâu ký" mà học giả Phan Thuận An tìm thấy ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và một vài thư tịch khác đã ghi rõ mục đích xây dựng kho lưu trữ này của Minh Mệnh là để lưu trữ sổ sách, văn bản hình thành ở các bộ, nhằm lưu truyền cho các thế hệ mai sau về ki cương phép nước, công tích, sự nghiệp xây dựng và quản lý đất nước của cha ông. Vì là kho lưu trữ tập trung bảo quản tài liệu của nhiều bộ (6 bộ), nên có thể xem đó như là một kho lưu trữ nhà nước.<sup>9</sup>

**4. Thực thi các biện pháp bảo quản, bảo vệ an toàn tài liệu**

Minh Mệnh đã có nhiều chủ trương và biện pháp nhằm bảo quản và bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ, nhất là tài liệu của chính quyền trung ương. Dưới đây là những chủ trương và biện pháp chính:

**4.1. Xây cất kho tàng kiên cố**

Các kho lưu trữ tiêu biểu của triều Nguyễn như Đông các, Tàng thư lâu đều được xây cất dưới thời Minh Mệnh. Đó là những tòa lâu được xây bằng gạch và đá, lại ở trong Hoàng cung hoặc tọa lạc giữa hồ nước chỉ thông với bờ hồ bởi duy nhất một cây cầu, cho nên ở một mức độ nhất định có thể đề phòng và hạn chế tổn thất tài liệu do hỏa hoạn, trộm cướp và các nguyên nhân khác. Cần nhấn mạnh thêm rằng, Việt Nam thời phong kiến, công đường, dinh thự, kho tàng của Nhà nước chủ yếu được dựng xây bằng gỗ, phương tiện phòng, chống cháy lại rất thô sơ, cho nên mỗi khi xảy ra hỏa hoạn do sơ suất của con người hoặc bởi chiến tranh, bạo loạn, thường khó tránh khỏi hiểm họa bị thần lửa thiêu hủy tất cả.

**4.2. Phòng gian và bảo mật nghiêm ngặt**

Đối với tài liệu được cho là quan trọng và quý hiếm như Sắc phong vương của các hoàng đế Trung Hoa, kim sách, ngân sách, ấn vàng, ấn ngọc của các hoàng đế, tôn phả, ngọc điệp đều được cất kín trong các tủ hoặc hòm sơn son thếp vàng. Việc ra vào Văn thư phòng (từ năm 1829 cải tổ thành Nội các) được kiểm tra và giám sát nghiêm ngặt. Ngay từ khi mới lên ngôi, Minh Mệnh đã xuống dụ: “*Văn thư phòng là nơi khu mật của Nhà nước, không phải là người dự việc, cấm không được vào*”<sup>10</sup> Năm Minh Mệnh thứ 3, lại quy định chặt chẽ hơn: “Phàm quan viên chánh nhị phẩm trở lên (tức thượng thư trở lên) và người có chỉ mới cho ra vào. Ngoài ra vô cớ thiện tiện ra vào, từ

phẩm trở lên phạt bổng 3 tháng, ngũ phẩm trở xuống đánh 30 roi, nhân thể mà tiết lậu việc quan trọng, cơ mật thì trị tội nặng hơn”.<sup>11</sup>

**4.3. Đặt chế độ thanh tra, kiểm tra tình hình lưu trữ tài liệu của các bộ, nha**

Theo *Thực lục*, việc thanh tra, kiểm tra trong lưu trữ chỉ mới được khởi xướng từ đời vua Minh Mệnh và có sự phân biệt giữa kiểm tra và thanh tra. Kiểm tra có tính chất nội bộ của từng nha môn hoặc cơ quan chủ quản đối với các thuộc nha. Còn thanh tra được lập thành đoàn gồm thành viên của các bộ, nha do Minh Mệnh thành lập. Theo quy định, thanh tra bộ, nha nào thì bộ, nha đó sẽ không có thành viên tham gia. Thanh tra lưu trữ có thể được tiến hành riêng biệt hoặc kết hợp với thanh tra công việc của các bộ, nha. Kết quả thanh tra phải được báo cáo lên hoàng đế. Dưới đây là một số cuộc thanh tra đã được ghi chép trong *Thực lục*:

Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), nhà vua bảo đình thần: “Bộ Công là nơi tài liệu nhóm họp, khoán hạng bề bộn, từ trước tới nay chưa từng tra xét, nên bàn làm đi...”. Đoàn Thanh tra bộ Công năm đó do Minh Mệnh thành lập gồm Thống chế Đoàn Văn Long làm Đồng lý (trưởng đoàn), Phủ Doãn Ngô Phúc Hội làm phó Đồng lý và một số quan chức của triều đình. Minh Mệnh chỉ thị: “*Cứ xét từ năm Gia Long thứ nhất đến năm Minh Mệnh thứ 7, tất cả các thứ tài liệu, khai tiêu, thực tại, chưa từ trước, mới thu vào theo từng khoản mà khám xét*”<sup>12</sup>

Năm 1832, Minh Mệnh đã ra lệnh thanh tra tài liệu của Nội các. Nhà vua chỉ thị: Nội các là nơi lưu trữ nhiều tài liệu cơ mật, nên cần phải kiểm tra kỹ càng. Đoàn Thanh tra gồm nhiều thượng thư và quan chức cao cấp của triều đình như Lê Đăng Doanh, Phan Huy

Thực, Nguyễn Bá Tú,... Sau khi kiểm tra kĩ các loại văn bản, sổ sách, ấn tín, bản đồ từ năm Minh Mệnh thứ nhất cho đến thời điểm thanh tra, Đoàn đã lập văn bản tâu trình Minh Mệnh tình hình cụ thể. Do phạm nhiều sai sót, nên nhiều quan chức có trách nhiệm ở Nội các đã bị nhà vua giáng phạt.

### **4.4. Xử phạt nghiêm khắc cá nhân, tập thể để tài liệu mất mát, thiêu cháy hoặc mỗi một làm rách nát**

Dưới thời Minh Mệnh, tài liệu lưu trữ của trung ương cũng như của các trấn (tỉnh), thành, phủ, huyện, xã được triều đình quản lí khá chặt chẽ. Nếu để mất mát, thiêu cháy hoặc mỗi một làm rách nát sẽ bị xử phạt nghiêm khắc và phải báo cáo kịp thời về triều đình, trình bày rõ diễn biến, nguyên nhân, trách nhiệm thuộc về quan chức nào, hình thức và mức độ xử phạt. Có nhiều hình thức chế tài được áp dụng như phạt trọng (đánh bằng gậy), gông cùm, cách chức, hạ lương bổng... Châu bản triều Nguyễn đã ghi lại nhiều trường hợp bị phạt như vậy. Chẳng hạn, năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), Lý trưởng xã Phúc Toàn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Văn Cố bị phạt trọng, gông cùm và cách chức về tội để 3 đạo thân sắc và 01 quyển địa bạ bị mỗi một làm rách nát.<sup>13</sup> Hoặc như trường hợp Thủ từ Dương Văn Tiết ở xã Xuân Bồ, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình bị phạt đánh 100 trượng vì để cháy 1 đạo sắc của Minh Mệnh phong tặng cho xã. Lý trưởng Trần Văn Ban, Dịch mục Mai Văn Khiêm cũng phải liên đới chịu trách nhiệm, nên mỗi tên bị phạt 80 trượng để răn đe.<sup>14</sup>

Tóm lại, với những chủ trương và biện pháp nêu trên, Minh Mệnh đã trở thành vị hoàng đế khai sáng nền lưu trữ triều Nguyễn, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển của Lưu trữ Việt

Nam. Di sản chủ yếu về tài liệu lưu trữ của triều Nguyễn được bảo tồn đến nay gồm trên 700 tập Châu bản, gần 17,000 Địa bạ, hơn 34,000 Mộc bản, (riêng Châu bản chỉ bằng khoảng một phần năm khối lượng vốn có theo ước tính của học giả Trung Hoa Trần Kính Hòa). Đây là nguồn sử liệu hết sức quý báu đối với việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam nói chung, triều Nguyễn nói riêng. Hậu thế tri ân đóng góp của Minh Mệnh trong việc truyền lưu nguồn di sản vô giá này.

Tuy vậy, khi nghiên cứu về lưu trữ triều Nguyễn, chúng ta cũng cần phải thấy rằng, do những hạn chế về lịch sử nên công tác lưu trữ của vương triều này chưa có sự quản lí tập trung của chính quyền trung ương. Điều đó có nghĩa là, triều đình chưa thiết lập cơ quan để quản lí công tác lưu trữ trong cả nước, cũng chưa lập kho lưu trữ ở các địa phương để tập trung bảo quản tài liệu của chính quyền các cấp ■

Công trình nghiên cứu này đã được trình bày tại Hội thảo "Lưu trữ triều Nguyễn dưới góc nhìn Đông Á" do Trường Đại học Gakushuin - Nhật Bản tổ chức ngày 28/11/2015.

1. Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, NXB Văn hóa-Thông tin, 2007, tr. 22-23.

2. Nội các triều Nguyễn, *Kham định Đại Nam hội điển su lễ*, NXB Thuận Hoá, 1993, tập 4, tr. 123.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tập 2, tr. 824.

4. Nội các triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tập 4, tr. 122.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tập 4, tr. 917-918.

6. *Sách đã dẫn*, tập 3, tr. 126.

7. *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 929-930.

8. Pôn - Budê, *Lưu trữ của các hoàng đế An Nam và lịch sử An Nam*, Nhà in Lê Văn Tân, Hà Nội, 1942, bản dịch từ nguyên bản tiếng Pháp của Cục Lưu trữ Nhà nước, tr. 7.

9. Phan Thuận An, *Tàng thư lâu, kho lưu trữ tư liệu ngày xưa ở Huế*, Báo Quân đội nhân dân, số 116, ngày 19/9/1992.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 80.

11. *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 239.

12. *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 597.

13. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Mục lục Châu bản*, tập 59, tr. 466.

14. *Sách đã dẫn*, tập 53, tr. 318.